

Bản án số: **34/2025/DS-ST**

Ngày: 28-5-2025

V/v tranh chấp về hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Quốc Hưng.

Bà Đàm Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 717/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Mộng T1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Phường Long Trường, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Trần Nhật V1, sinh năm 1992 (Có mặt); Bà Lê Thị Minh T2, sinh năm 1979 (Vắng mặt); Cùng địa chỉ: Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số chứng thực: 04.2023/CNCK quyền số: 01-SCT/CK lập ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Vancouver, Canada).

Bị đơn: Công ty TNHH S1 (Tên cũ: Công ty TNHH S1).

Địa chỉ trụ sở chính: Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thành C2, sinh năm 1977 (Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án); Địa chỉ: Phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 01/UQ-S1 ngày 02 tháng 8 năm 2024); Bà Trần Thị Ngọc C1, sinh năm 1977 (Vắng mặt); Địa chỉ: Phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 05 tháng 3 năm 2025).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 6 năm 2024, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 2019, do có nhu cầu sang Canada làm việc nên nguyên đơn tìm kiếm thông tin trên các trên mạng thì thấy Công ty TNHH S1 nay đổi tên thành Công ty TNHH S1 (Sau đây gọi là “S1”) có đăng tải nội dung giới thiệu S1 là công ty dẫn đầu trong lĩnh vực di trú tại Mỹ và Việt Nam, công ty có trụ sở chính đặt tại Hoa Kỳ, cùng với hệ thống văn phòng tư vấn hoạt động song song tại Việt Nam, là đơn vị am hiểu về định cư và di trú Mỹ – Canada; sở hữu đội ngũ luật sư am hiểu kiến thức ngành, có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực thường trú, di trú quốc tế, công ty có chương trình việc làm định cư Canada chuyên biệt phù hợp với nhu cầu định cư của nhiều đối tượng và xử lý 100% hồ sơ thành công trong vòng 6 – 12 tháng.

Chính vì tin tưởng vào quy mô và kinh nghiệm hoạt động do S1 giới thiệu nên nguyên đơn đã liên hệ với công ty và được S1 hứa hẹn, cam kết và khẳng định rằng đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định pháp luật để thực hiện hợp đồng, S1 có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực di trú; có đội ngũ Luật sư để tư vấn, hướng dẫn và trực tiếp thực hiện Hợp đồng này cho nguyên đơn để có thể thường trú nhân định cư tại đất nước Canada. Do đó, ngày 02 tháng 10 năm 2019, nguyên đơn có ký kết Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 02102019/HDFST với S1. Theo đó, hợp đồng thể hiện S1 có trách nhiệm tìm kiếm việc làm và hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc định cư tại Canada cho nguyên đơn. Tổng giá trị hợp đồng theo thỏa thuận là 1.977.100.000 đồng (Một tỷ, chín trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm ngàn) đồng tương đương 85.000 USD (Tám mươi lăm ngàn) đô la Mỹ, với tiến độ thanh độ được chia làm 4 đợt, cụ thể như sau:

- Đợt 1: Chậm nhất ngày 03 tháng 10 năm 2019, Bên A thanh toán cho Bên B số tiền 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng ngay khi ký hợp đồng;

- Đợt 2: Chậm nhất ngày 17 tháng 10 năm 2019, Bên A thanh toán cho Bên B số tiền 363.130.000 (Ba trăm sáu mươi ba triệu một trăm ba mươi ngàn) đồng;

- Đợt 3: Bên A thanh toán cho Bên B số tiền 790.840.000 (Bảy trăm chín mươi triệu tám trăm bốn mươi ngàn) đồng tương đương 34.000 đồng (Ba mươi bốn ngàn Đô la Mỹ) ngay khi nhận được email thông báo từ Bên B về chuẩn bị tổng hợp hồ sơ xin TRV;

Đợt 4: Bên A thanh toán cho Bên B số tiền 593.130.000 (Năm trăm chín mươi ba triệu một trăm ba mươi ngàn) đồng tương đương 25.500 USD (Hai mươi lăm ngàn năm trăm Đô la Mỹ) ngay khi nhận được kết quả đậu bài kiểm tra Red Seal.

Vào các ngày 02 tháng 10 năm 2019, 17 tháng 10 năm 2019, 13 tháng 8 năm 2020 và 29 tháng 8 năm 2020, nguyên đơn đã thanh toán cho S1 tổng số tiền là 1.428.012.000 (Một tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu không trăm mười hai ngàn) đồng.

Tuy nhiên, sau khoảng gần 02 năm kể từ ngày ký Hợp đồng, nhưng nguyên đơn vẫn chưa có thể thường trú tại Canada như hứa hẹn từ S1, nguyên đơn cũng không biết được họ đã thực hiện hồ sơ của nguyên đơn như thế nào, chỉ được thông tin họ báo là Luật sư tư vấn chương trình FSTP chỉ định nguyên đơn đi học nghề làm bánh, đi học tiếng Anh... toàn bộ đều là nhân viên của S1 thông tin lại là do Luật sư chỉ định nhưng thực tế thì nguyên đơn vẫn chưa biết được Luật sư nào tư vấn cho nguyên đơn.

Do thời gian S1 thực hiện hợp đồng không đúng cam kết, nguyên đơn cũng chưa được làm việc với Luật sư tư vấn định cư như S1 quảng cáo nên nguyên đơn có nghi ngờ về chương trình FSTP, nguyên đơn cũng nhiều lần liên hệ làm việc với công ty và để trấn an nguyên đơn vì không thể hoàn thành công việc như đã cam kết tại Hợp đồng dịch vụ số 02102019/HDFST, nên S1 đề xuất sẽ tìm kiếm việc làm cho nguyên đơn tại Canada trong vòng 06 tháng theo chương trình Job Offer để đảm bảo chắc chắn việc nguyên đơn sẽ được định cư tại Canada. Ngày 06 tháng 5 năm 2021 nguyên đơn và S1 đã tiến hành ký kết Phụ lục hợp đồng số 01 về việc tìm kiếm việc làm cho nguyên đơn tại Canada và chuyển từ chương trình FSTP sang chương trình Job Offer.

Tuy nhiên, hơn 01 năm sau đó, S1 vẫn tiếp tục không thực hiện đúng thỏa thuận với nguyên đơn và tìm mọi lý do để kéo dài thời gian, nghi ngờ bị lừa nên nguyên đơn có liên hệ và nhiều lần đến làm việc với S1 và đề nghị công ty cung cấp toàn bộ hồ sơ chứng minh S1 được phép ký kết thực hiện Hợp đồng tư vấn định cư Canada, Hợp đồng tìm kiếm việc làm tại Canada cho nguyên đơn nhưng S1 không cung cấp bất kỳ hồ sơ nào cho nguyên đơn theo đúng quy định. Do đó, nguyên đơn đã tiến hành tìm hiểu về thông tin và được biết Giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp của S1 cũng thể hiện họ không có chức năng Tư vấn pháp luật, không có Luật sư tư vấn di trú, là công ty 100% vốn Việt Nam từ những chủ sở hữu người Việt Nam chứ hoàn toàn không phải là có trụ sở tại Mỹ như S1 quảng cáo, hơn nữa S1 cũng không có Giấy phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, không có Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm, không có Giấy phép về việc được đào tạo nghề nghiệp, đào tạo thi tiếng Anh, thế nhưng, họ vẫn ngang nhiên và cố tình quảng cáo gian dối để lừa dối khách hàng ký hợp đồng và thu tiền của khách hàng. S1 giới thiệu mình là đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực di trú, đã xử lý thành công 99%-100% hồ sơ của khách hàng, theo quy định pháp luật việc quảng cáo như vậy phải được cấp phép từ cơ quan nhà nước, nhưng dù chưa được cấp phép họ vẫn ngang nhiên quảng cáo bất chấp quy định pháp luật. Nhận thấy, dù S1 không được cấp phép thực hiện hoạt động tư vấn pháp luật cũng như môi giới việc làm, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, thế nhưng S1 vẫn cố tình lừa dối khách hàng để ký kết Hợp đồng dịch vụ số 02102019 với S1 và chiếm giữ 1.428.012.000 (Một tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu không trăm mười hai ngàn) đồng mà không hoàn trả cho nguyên đơn, việc này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Tuyên Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 02102019/HDFST ký ngày 02 tháng 10 năm 2019, Phụ lục số 01 Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada ký ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa bà Trương Thị Mộng T1 với Công ty TNHH S1 vô hiệu do bị lừa dối;

- Buộc Công ty TNHH S1 hoàn trả lại toàn bộ số tiền 1.428.012.000 (Một tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu không trăm mười hai ngàn) đồng;

- Buộc bị đơn trả tiền lãi phát sinh tính từ thời điểm thanh toán đến thời điểm xét xử sơ thẩm vì hợp đồng vô hiệu do lỗi của bị đơn, mức lãi suất áp dụng là 10%/năm.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh tính từ thời điểm thanh toán đến thời điểm xét xử sơ thẩm vì hợp đồng vô hiệu do lỗi của bị đơn, mức lãi suất áp dụng là 10%/năm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Về Quy trình thực hiện người định cư làm việc tại nước ngoài:

- Tư vấn thủ tục về hồ sơ định cư Canada theo chương trình “Federal Skilled Trades”;

- Tư vấn việc làm phù hợp với điều kiện nhập cư cho Khách hàng;
- Ký kết Hợp đồng hỗ trợ dịch vụ;
- Hỗ trợ khóa học đào tạo tay nghề - ngành Thợ làm bánh;
- Hỗ trợ khóa học đào tạo Tiếng Anh chuẩn điều kiện chương trình yêu cầu;
- Hỗ trợ thủ tục xin Visa nhập cảnh Canada – để Khách hàng tham dự kỳ thi con dấu đỏ (RED SEAL) tiêu chuẩn nghề do Chính phủ Canada chứng nhận, là cách thức/hình thức được đặt ra dựa trên các tiêu chuẩn chung để đánh giá các kỹ năng của người lao động nghề trên lãnh thổ Canada. Con dấu đỏ, khi được dán vào giấy chứng nhận ngành nghề từ Tỉnh bang hoặc Liên Bang, chỉ ra rằng người lao động nghề đó có khả năng hành nghề và có kiến thức cần thiết đủ tiêu chuẩn Canada cho ngành nghề đó (hay còn được gọi là “Certificate of Qualification” (CoQ)), đây là điều kiện bắt buộc của Chương trình;
- Đại diện cho Khách hàng liên lạc với các đối tác/Luật sư tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của Luật Di trú Canada;
- Hỗ trợ Khách hàng chuẩn bị và nộp hồ sơ cho chính phủ Canada xin thường trú nhân, sau khi đậu kỳ thi tiêu chuẩn nghề con dấu đỏ (RED SEAL).

Về Hợp đồng Dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc Định cư Canada số 02102019/HDFST ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa Công ty TNHH S1 (tên mới: Công ty TNHH S1) và bà Trương Thị Mộng T1 đã được thực hiện như sau: Chương trình thực hiện theo điều kiện yêu cầu của Chính Phủ Canada (link tham khảo đính kèm): <https://www.canada.ca/en/immigration-refugeescitizenship/services/immigrate-canada/express-entry/eligibility/skilledtrades.html>.

Sau khi được tư vấn về chương trình làm việc định cư Canada, giữa S1 và bà Trương Thị Mộng T1 đã ký kết Hợp đồng số: 02102019/HDFST ngày 02 tháng 10 năm 2019, việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc. Bà T1 đã thực hiện việc thanh toán phí dịch vụ với số tiền 1.384.310.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi bốn triệu ba trăm mười ngàn đồng), số tiền thanh toán được chia làm nhiều đợt, tuân thủ theo quy định của Hợp đồng đã ký cũng như kết quả đã đạt được theo tiến trình hồ sơ. Cụ thể:

- Đợt 1: Ngày 02 tháng 10 năm 2019, thanh toán số tiền là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng), tương đương 10.000 USD (Mười ngàn Đô la Mỹ), ngay khi ký kết Hợp đồng dịch vụ;
- Đợt 2: Ngày 17 tháng 10 năm 2019, thanh toán số tiền là 363.130.000 đồng (Ba trăm sáu mươi ba triệu một trăm ba mươi ngàn đồng), tương đương 15.500 USD (Mười lăm ngàn năm trăm Đô la Mỹ);

- Đợt 3: Ngày 13 tháng 8 năm 2020, thanh toán số tiền là 791.180.000 đồng (Bảy trăm chín mươi một triệu một trăm tám mươi ngàn đồng) tương đương 34.000 USD (Ba mươi bốn ngàn Đô la Mỹ), ngay khi nhận được thông báo đề tổng hợp hồ sơ nộp xin TRV.

Cho đến thời điểm hiện tại, S1 đã thực hiện việc xuất hóa đơn chứng từ thu chi đầy đủ đối với các khoản tiền đã thu từ bà T1 và thực hiện chế độ báo cáo thuế theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Về công việc mà S1 đã làm đối với hồ sơ của bà T1 như sau:

- Thực hiện Tư vấn và Quản lý hồ sơ làm việc định cư Canada của bà T1;
- Hỗ trợ bà T1 thực hiện các thủ tục về hồ sơ làm việc định cư Canada;
- Tổ chức khóa học Tiếng Anh;
- Tổ chức khóa đào tạo Nghề - Thợ làm bánh;
- Thực hiện các dịch vụ khác như hỗ trợ đưa đón Bà T1 khi tham dự kỳ thi tay nghề (RED SEAL) tại Canada, hỗ trợ đặt vé máy bay, thuê căn hộ, hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ thủ tục khi nhập cảnh Canada...

- Hỗ trợ điền đơn và nộp các hồ sơ liên quan đến chương trình định cư Canada FSTP - Federal Skilled Trades;

- Tìm kiếm nhà tuyển dụng và giới thiệu công việc

Các kết quả đã đạt được như sau:

- Chính phủ Canada đã chấp thuận hồ sơ và gửi thông báo mời Bà T1 tham dự kỳ thi tay nghề (RED SEAL) tại Canada;

- S1 đã hỗ trợ bà T1 xin được Visa nhập cảnh Canada, để tham sự kỳ thi tay nghề (RED SEAL), được tổ chức bởi Chính Phủ Canada.

- Phỏng vấn với chủ doanh nghiệp.

Về việc tuân thủ quy định Pháp luật Việt Nam: Về ngành nghề kinh doanh. S1 đã thực hiện việc đăng ký ngành nghề tư vấn quản lý và ngành nghề tư vấn định cư; giáo dục khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: dạy ngoại ngữ, dạy kèm...). Căn cứ Điều 7 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 quy định về quyền của doanh nghiệp (hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2015): “1. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm....

Như vậy, việc S1 ký kết hợp đồng với bà T1 là không trái với các quy định pháp luật hiện hành.

Về các chế độ báo cáo thuế. S1 đã tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam. Quá trình hoạt động đã thực hiện chế độ báo cáo thuế, xuất hóa đơn doanh thu đầy đủ.

Về việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng và phụ lục hợp đồng số 01 vô hiệu do lừa dối: Như các nội dung đã trình bày bên trên, trước khi bà T1 thực hiện việc ký kết Hợp đồng Dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc Định cư Canada số 02102019/HDFST ngày 02 tháng 10 năm 2019 thì S1 đã thực hiện việc tư vấn rất rõ ràng, minh bạch, đầy đủ các thông tin về điều kiện chương trình theo yêu cầu của chính phủ Canada theo link tham khảo đính kèm được ghi rõ bên trên và nhận được sự đồng ý tự nguyện từ bà T1. Việc thanh toán phí dịch vụ ở mỗi đợt theo tiến trình hồ sơ thành công cũng dựa theo thỏa thuận tại điều khoản Hợp đồng đã được thống nhất. Khoản phí dịch vụ mà Bà T1 đã thanh toán cho S1 nhằm để chi trả cho các dịch vụ hỗ trợ thực hiện hồ sơ theo điều kiện yêu cầu từ chương trình như: Đào tạo IELTS, hỗ trợ đào tạo tay Nghề - làm Bánh, thực hiện xin TRV (visa nhập cảnh tạm thời khi thi Red Seal)... Nội dung tại Mục 2 (các công việc đã thực hiện), phí dịch vụ cho Luật sư tư vấn hồ sơ theo quy định của Luật Di trú Canada, và các khoản phí khác phục vụ cho mục đích hồ sơ. Việc tư vấn và hỗ trợ thực hiện các điều kiện của chương trình là trách nhiệm của S1 theo quy định tại điều khoản Hợp đồng. Tuy nhiên, việc đạt được kết quả thi Red Seal đủ điều kiện của chương trình là do năng lực thực tế của bà T1, S1 chỉ đóng vai trò tư vấn hỗ trợ các khóa học liên quan. Xét theo điều khoản Hợp đồng, S1 đã thực hiện đúng theo thỏa thuận, quyền và nghĩa vụ, tiến trình công việc đã thực hiện như hai bên đã giao kết. Vì vậy, việc bà T1 yêu cầu chấm dứt hợp đồng là tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng trái quy định trong hợp đồng. Mặt khác, S1 hoạt động kinh doanh hợp pháp, tư vấn định cư theo các điều kiện của chương trình “Federal Skilled Trades” và hỗ trợ thực hiện dịch vụ theo nội dung hợp đồng đã giao kết, không hề có dấu hiệu lừa dối. Do vậy, S1 không đồng ý theo yêu cầu của Nguyên đơn và kính đề nghị Tòa bác toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 6 năm 2024.

Trên đây là ý kiến của S1 trong việc thực hiện các hoạt động kinh doanh của công ty và cụ thể là đối với hồ sơ dịch vụ của bà Trương Thị Mộng T1. Chúng tôi cho rằng việc Bà T1 nộp đơn khởi kiện và yêu cầu S1 hoàn trả toàn bộ số tiền đã thanh toán là hoàn toàn không hợp lý vì tiến độ hồ sơ đã được thực hiện và hoàn thành theo điều khoản thỏa thuận của Hợp đồng.

Tại thời điểm phiên họp hôm nay, bị đơn chưa cung cấp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ thể hiện các công việc hoặc hành vi bị đơn đã thực hiện theo các nội dung thỏa thuận với nguyên đơn bà Trương Thị Mộng T1 theo Hợp đồng dịch vụ số 02102019/HDFST ngày 02 tháng 10 năm 2019; Phụ lục số 01 và thể hiện các khoản tiền mà bị đơn thực tế đã nhận từ nguyên đơn bà Trương Thị Mộng T1 theo Hợp đồng dịch vụ số 02102019/HDFST ngày 02 tháng 10 năm 2019; Bị đơn cũng chưa cung cấp được tài liệu, thể hiện lý do chưa cung

cấp tài liệu, chứng cứ vì lý do khách quan, bất khả kháng. Bị đơn sẽ cung cấp sau cho Tòa án. Bị đơn đề nghị được tiếp tục hợp đồng với nguyên đơn để giải quyết tranh chấp.

Bị đơn đề nghị Tòa án gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người đại diện hợp pháp của bị đơn về cùng một địa chỉ: Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

Nguyên đơn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trước đây và yêu cầu khởi kiện như sau: Tuyên Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 02102019/HDFST ký ngày 02 tháng 10 năm 2019, Phụ lục số 01 Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada ký ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa bà Trương Thị Mộng T1 với Công ty TNHH S1 vô hiệu do bị lừa dối; Buộc Công ty TNHH S1 hoàn trả lại toàn bộ số tiền cho nguyên đơn 1.428.012.000 (Một tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu không trăm mười hai nghìn) đồng.

Nguyên đơn xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh tính từ thời điểm thanh toán đến thời điểm xét xử sơ thẩm vì hợp đồng vô hiệu do lỗi của bị đơn, mức lãi suất áp dụng là 10%/năm.

Nguyên đơn trình bày vào thời điểm ký hợp đồng dịch vụ, nguyên đơn không tìm hiểu kỹ thông tin pháp lý của bị đơn mà chỉ xem trên trang web. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nguyên đơn có học nghề làm bánh tại Trung tâm dạy nghề hướng nghiệp Á Châu tại Việt Nam theo yêu cầu của bị đơn, đồng thời có học thêm tiếng Anh, nguyên đơn có qua Canada nhưng chỉ là theo diện xin Visa du lịch và nguyên đơn không có thi chứng chỉ RED SEAL tại Canada do kỳ thi bị tạm hoãn, thực tế đến nay, nguyên đơn vẫn không có được thẻ thường trú nhân tại Canada như bị đơn đã cam kết. Hai bên đã nhiều lần ngồi lại làm việc thương lượng với nhau, nhưng bị đơn đưa ra phương án chỉ hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 7000 USD là quá ít nên nguyên đơn không đồng ý. Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng vô hiệu. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hợp đồng dịch vụ và phụ lục hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật và do bị lừa dối theo Điều 123, 127 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ Điều 131 của Bộ luật Dân sự, bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền đã nhận.

Bị đơn không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn và mong muốn được tiếp tục thực hiện hợp đồng với nguyên đơn. Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn xác định không có yêu cầu gì đối với nguyên đơn và không yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại.

Bị đơn xác định đã nhận số tiền dịch vụ tổng cộng là 1.428.012.000 đồng từ nguyên đơn, bị đơn đã sử dụng gần hết số tiền này để thực hiện chi phí dịch vụ cho nguyên đơn, gồm: Tiền học tiếng Anh, tiền học nghề làm bánh tại Trung tâm dạy nghề hướng nghiệp Á Châu, tiền vé máy bay qua Canada, tiền trọ, tiền khách sạn, tiền thi RED SEAL và chi phí thuê Luật sư, tổng cộng hết 1.196.110.000 đồng và bị đơn có thực hiện báo cáo thuế về doanh thu. Bị đơn đã gửi cho nguyên đơn toàn bộ bảng kê chi tiết công việc đã làm, lệnh chuyển tiền cho nguyên đơn trong quá trình nguyên đơn khiếu nại trước đây, đồng thời đã cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ của công ty luật nước ngoài, còn việc nguyên đơn có đến địa chỉ công ty hay không thì bị đơn không nắm được. Bị đơn tranh luận: Mặc dù bị đơn chưa thể cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như hóa đơn, chứng từ cho Tòa án do liên quan đến chính sách bảo mật giữa bị đơn và các luật sư tại Canada, nhưng bị đơn đã thực hiện những công việc cho nguyên đơn theo hợp đồng là đúng thực tế, nguyên đơn cũng đã thi chứng chỉ RED SEAL tại Canada nhưng nguyên đơn không đủ điểm đậu và nguyên đơn đã thực hiện phỏng vấn tại Canada về công việc làm bánh, sau này nguyên đơn đã tự ý bỏ ngang không tiếp tục thi nữa. Đối với Trung tâm dạy nghề hướng nghiệp Á Châu, bị đơn chỉ giới thiệu nguyên đơn tới đó học nghề làm bánh và bị đơn sẽ thực hiện việc chi trả tiền học, ngoài ra bị đơn không có ký hợp đồng đào tạo liên kết với Trung tâm dạy nghề hướng nghiệp Á Châu.

Bị đơn trình bày bị đơn đăng ký mã ngành nghề kinh doanh 8650 – Tư vấn định cư, đây không phải là ngành nghề kinh doanh có điều kiện và doanh nghiệp được quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm theo Điều 7 Luật Doanh nghiệp, bị đơn không tư vấn pháp luật, không giới thiệu, không môi giới việc làm cho nguyên đơn mà bị đơn chỉ tư vấn việc làm cho nguyên đơn là nghề làm bánh, bị đơn cũng không trực tiếp đưa nguyên đơn đi Canada mà chỉ là tư vấn định cư tại Canada cho nguyên đơn. Bị đơn có đăng ký mã ngành 7810 - Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm cùng với mã ngành 8650 – Tư vấn định cư sau thời điểm ký hợp đồng dịch vụ và phụ lục hợp đồng với nguyên đơn, do nguyên đơn khiếu nại nên bị đơn mới đăng ký kinh doanh mã ngành 7810 và 8650 vào cùng ngày 18 tháng 12 năm 2021 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư. Tuy nhiên, bị đơn không xin được giấy phép con cho hoạt động giới thiệu, môi giới việc làm nên thực tế bị đơn không hoạt động trong lĩnh vực này. Bị đơn tranh luận bị đơn không giới thiệu bị đơn là công ty Mỹ như nguyên đơn trình bày, trên trang web của bị đơn không có thông tin nào nói bị đơn là công ty Mỹ, bị đơn không phải là công ty

vốn 100% nước ngoài và cũng không có điều khoản cam kết nào trong hợp đồng ghi là bị đơn có vốn nước ngoài. Công ty bị đơn được thành lập tại Việt Nam theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn không lừa dối nguyên đơn và hợp đồng không vô hiệu như nguyên đơn trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử còn chậm, đề nghị Tòa án lưu ý.

Về việc giải quyết nội dung vụ án, sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 căn cứ điểm a khoản 1 Điều 117, 122, 131 của Bộ luật Dân sự, Nghị định số: 52/2014/NĐ-CP của Chính phủ, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 02102019/HDFST ngày 02 tháng 10 năm 2019, Phụ lục số 01 Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa bà Trương Thị Mộng T1 và Công ty TNHH S1 vô hiệu; Buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 1.428.012.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tiền lãi mà nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trương Thị Mộng T1 khởi kiện tranh chấp về hợp đồng dịch vụ với bị đơn Công ty TNHH S1 (Tên cũ: Công ty TNHH S1) có địa chỉ trụ sở chính: Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ chi nhánh: Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 02102019/HDFST ngày 02 tháng 10 năm 2019, Phụ lục số 01 Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada ngày 06 tháng 5 năm 2021, các Biên nhận số: 17102019/HDFST ngày 17 tháng 10 năm 2019, số: 02102019/HDFST ngày 02 tháng 10 năm 2019, số: 13082020/HDFST ngày 13 tháng 8 năm 2020, số: 29082020/HDFST ngày 29 tháng 8 năm 2020 thể hiện nơi các bên thực hiện hợp đồng tại địa chỉ: Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 12 tháng 6 năm 2024, người đại diện của nguyên đơn có đơn lựa chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Căn cứ Giấy ủy quyền số chứng thực: 04.2023/CNCK quyền số 01-SCT/CK lập ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Vancouver, Canada của nguyên đơn ủy quyền cho bà Bùi Trần Nhật V1 và bà Lê Thị Minh T2; Giấy ủy quyền số 01/UQ-S1 ngày 02 tháng 8 năm 2024, Giấy ủy quyền ngày 05 tháng 3 năm 2025 của bị đơn ủy quyền cho ông Nguyễn Thành C2, bà Trần Thị Ngọc C1. Việc các đương sự ủy quyền thay mặt họ tham gia tố tụng để thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, có cơ sở xác định: Ngày 02 tháng 10 năm 2019, nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 02102019/HDFST, theo đó, bị đơn cung cấp cho nguyên đơn dịch vụ tư vấn và hướng dẫn thực hiện hồ sơ làm việc định cư theo chương trình làm việc định cư của Canada. Điều 1 Hợp đồng về giải thích từ ngữ như sau: “Chương trình” được hiểu là “chương trình di trú hợp pháp mà có hiệu lực tại thời điểm Bên B tiếp nhận hồ sơ của Bên A do Bộ di trú Quốc tịch của nước sở tại mà Bên A đang có nhu cầu và mong muốn đăng ký tham gia và các thông tin chương trình này được công bố, cập nhật một cách công khai, minh bạch và chính thống trên cổng thông tin điện tử của chính Quốc gia đó. Trong hợp đồng này chương trình được áp dụng với “Đương đơn” là chương trình “Federal Skilled Trades”; “Federal Skilled Trades” (FST) là “một trong những chương trình di trú hợp pháp của Canada, được thiết kế cho những người lao động có kỹ năng tay nghề cao và mong muốn đến Canada làm việc và có cơ hội định cư vĩnh viễn theo chính sách nhập cư Liên Bang của Canada”. Tại Điều 2, Điều 3 Hợp đồng quy định về phạm vi dịch vụ, nội dung công việc, phí dịch vụ: 1/ Thủ tục về hồ sơ làm việc định cư Canada. 2/ Tư vấn và tìm kiếm việc làm phù hợp với điều kiện nhập cư. 3/ Hỗ trợ các khóa học đào tạo tay nghề và Tiếng Anh. 4/ Thủ tục xin visa nhập cảnh Canada; Phí dịch vụ là 1.977.100.000 đồng tương đương 85.000 Đô la Mỹ (USD).

[5] Ngày 06 tháng 5 năm 2021, nguyên đơn và bị đơn ký Phụ lục số 01 Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada về phạm vi dịch vụ, nội dung công việc: 1/ Tìm kiếm Nhà tuyển dụng. 2/ Thực hiện thủ tục xin visa làm việc. 3/ Thực hiện thủ tục xin thường trú nhân, với tiến trình hồ sơ dự kiến thời gian như sau: 06 tháng – Tìm kiếm nhà tuyển dụng, Bên A (nguyên đơn) đồng ý với công việc mà bên B (bị đơn) cung cấp; 02 tháng – Thêm tên vào LMIA, nhận Thư mời làm việc; 03 tháng – Nộp hồ sơ xin giấy phép làm việc, nhận giấy phép làm việc; 03 tháng – Nhận visa làm việc, nhập cảnh Canada và

bắt đầu làm việc; 06 – 08 tháng – Bên A đủ điều kiện nộp ITA; 06 – 08 tháng – Nhận thư mời nộp thường trú nhân. Thời gian nêu trên được tính từ thời điểm 02 bên cùng ký Phụ lục số 01 Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada này.

[6] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù các bên ghi giá trong hợp đồng bằng ngoại tệ, nhưng có quy đổi thành tiền Việt Nam và thực tế, nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn 04 đợt bằng tiền Việt Nam với tổng số tiền là 1.428.012.000 đồng, cụ thể: Ngày 02 tháng 10 năm 2019, thanh toán 230.000.000 đồng (Biên nhận số: 02102019/HDFST ngày 02 tháng 10 năm 2019); Ngày 17 tháng 10 năm 2019, thanh toán 363.130.000 đồng (Biên nhận số: 17102019/HDFST ngày 17 tháng 10 năm 2019); Ngày 13 tháng 8 năm 2020, thanh toán 791.180.000 đồng (Biên nhận số: 13082020/HDFST ngày 13 tháng 8 năm 2020); Ngày 29 tháng 8 năm 2020, thanh toán 43.702.000 đồng (Biên nhận số: 29082020/HDFST ngày 29 tháng 8 năm 2020). Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn xác định đã nhận số tiền dịch vụ tổng cộng là 1.428.012.000 đồng từ nguyên đơn và chỉ tư vấn việc làm cho nguyên đơn, tư vấn định cư Canada, bị đơn đã sử dụng gần hết số tiền này để thực hiện chi phí dịch vụ cho nguyên đơn, gồm: Tiền học tiếng Anh, tiền học nghề làm bánh tại Trung tâm dạy nghề hướng nghiệp Á Châu, tiền vé máy bay qua Canada, tiền trọ, tiền khách sạn, tiền thi RED SEAL và chi phí thuê luật sư, tổng cộng hết 1.196.110.000 đồng và bị đơn có thực hiện báo cáo thuế về doanh thu. Tại Công văn số: 5151/CCTQ3-KTr2 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thuế Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bị đơn đã xuất hóa đơn đối với dịch vụ tư vấn hoàn thành của khoản thu đối với khách hàng bà Trương Thị Mộng T1, tổng giá trị trước thuế là 1.266.880.808 đồng, thuế GTGT là 101.350.465 đồng vào ngày 29 tháng 8 năm 2022 số hóa đơn 0008 và ngày 21 tháng 4 năm 2023 số hóa đơn 00059. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận tình tiết bị đơn có giới thiệu nguyên đơn tới Trung tâm dạy nghề hướng nghiệp Á Châu học nghề làm bánh và bị đơn sẽ thực hiện việc chi trả tiền học nghề cho nguyên đơn.

[7] Qua đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị đơn đã thực hiện dịch vụ tư vấn việc làm cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 40 của Luật Việc làm năm 2013, cụ thể là tư vấn cho người lao động lựa chọn công việc phù hợp với khả năng và nguyện vọng; kỹ năng thi tuyển; tạo việc làm, tìm việc làm trong và ngoài nước, thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Nghị định số: 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số: 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

[8] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày bị đơn có đăng ký mã ngành 7810 – Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm cùng với mã ngành 8650 – Tư vấn định cư sau thời điểm ký hợp đồng dịch vụ và phụ lục hợp đồng với nguyên đơn, do nguyên đơn khiếu nại nên bị đơn mới đăng ký kinh doanh mã ngành 7810 và 8650 vào cùng ngày 18 tháng 12 năm 2021 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư. Tuy nhiên, bị đơn không xin được giấy phép con cho hoạt động giới thiệu, môi giới việc làm nên thực tế bị đơn không hoạt động trong lĩnh vực này. Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp cho bị đơn, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 8 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 10 năm 2022 thể hiện: Bị đơn có đăng ký mã ngành, nghề kinh doanh 7810: Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Tư vấn xuất khẩu lao động (trừ cho thuê lại lao động). Điều này thể hiện sau thời điểm ký hợp đồng dịch vụ và phụ lục hợp đồng với nguyên đơn thì bị đơn là doanh nghiệp có chức năng hoạt động dịch vụ việc làm. Tuy nhiên, Tại Công văn số: 33294/SLĐTBXH-VLATLĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ xác định không có dữ liệu về cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của Công ty TNHH S1, địa chỉ: Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, tại Công văn số: 960/TTS-CSLĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Thanh tra Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh do nguyên đơn cung cấp xác định: “Qua tra cứu trang thông tin điện tử của Cục quản lý lao động ngoài nước, Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH Di trú Alexander và Cộng sự không có Giấy phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Theo dữ liệu tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cho thấy Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH Di trú Alexander và Cộng sự không có chức năng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, chưa được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm”.

[9] Như vậy, có cơ sở xác định vào thời điểm bị đơn ký Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 02102019/HDFST ngày 02 tháng 10 năm 2019, Phụ lục số 01 Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada ngày 06 tháng 5 năm 2021 với nguyên đơn thì bị đơn chưa thực hiện việc đăng ký mã ngành, nghề kinh doanh 7810 – Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Tư vấn xuất khẩu lao động (trừ cho thuê lại lao động), bị đơn chưa có giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm do cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 39 của Luật Việc làm

năm 2013; Điều 2, Điều 3, Điều 6 và Điều 7 của Nghị định số: 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số: 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08 tháng 10 năm 2018. Do đó, xét về năng lực chủ thể tham gia giao dịch dân sự, bị đơn chưa đáp ứng đủ điều kiện phù hợp để xác lập dịch vụ tư vấn việc làm cho nguyên đơn dưới hình thức ký Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 02102019/HDFST ngày 02 tháng 10 năm 2019, Phụ lục số 01 Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada ngày 06 tháng 5 năm 2021, thuộc trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 117, Điều 122, Điều 407 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[10] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu tuyên Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 02102019/HDFST ngày 02 tháng 10 năm 2019, Phụ lục số 01 Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa bà Trương Thị Mộng T1 và Công ty TNHH S1 (Tên cũ: Công ty TNHH S1) vô hiệu.

[11] Lỗi hỗn hợp: Tại thời điểm hai bên ký Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 02102019/HDFST ngày 02 tháng 10 năm 2019, Phụ lục số 01 Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada ngày 06 tháng 5 năm 2021, nguyên đơn có lỗi do đã không tìm hiểu kỹ thông tin pháp lý của bị đơn về hoạt động dịch vụ việc làm; Bị đơn có lỗi vì đã giao kết hợp đồng dịch vụ với nguyên đơn trong khi bị đơn chưa thực hiện việc đăng ký mã ngành, nghề kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh), chưa được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm.

[12] Về hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu: Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự đã được Tòa án giải thích về việc giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu, tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn hoàn trả lại số tiền bị đơn đã nhận là 1.428.012.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu về bồi thường thiệt hại. Bị đơn không có yêu cầu gì khác đối với nguyên đơn và không yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại. Căn cứ Điều 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015, giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 1.428.012.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Về phía bị đơn chưa cung cấp được các hóa đơn, chứng từ thể hiện các chi phí hợp lý mà bị đơn đã bỏ ra để thực hiện công việc cho nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử chưa có cơ

sở xác định rõ nguyên đơn đã nhận của bị đơn những gì để xem xét buộc nguyên đơn hoàn trả cho bị đơn. Trong vụ án này, các bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết phân bồi thường thiệt hại phát sinh do Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 02102019/HDFST ngày 02 tháng 10 năm 2019, Phụ lục số 01 Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada ngày 06 tháng 5 năm 2021 vô hiệu, do đó, trường hợp các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định pháp luật.

[13] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định rút rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh tính từ thời điểm thanh toán đến thời điểm xét xử sơ thẩm vì hợp đồng vô hiệu do lỗi của bị đơn, mức lãi suất áp dụng là 10%/năm. Xét việc rút yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[14] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 là có cơ sở.

[15] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng đối với yêu cầu tuyên giao dịch dân sự vô hiệu và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tính trên số tiền 1.428.012.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[16] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, điểm a khoản 1 Điều 117, Điều 122, Điều 131, Điều 407 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 14 của Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 36, Điều 39, khoản 1 Điều 40 của Luật V1ệc làm năm 2013; Điều 2, Điều 3, Điều 6 và Điều 7 của Nghị định số: 52/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số: 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08 tháng 10 năm 2018; điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi

phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Mộng T1.

Tuyên Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada số: 02102019/HDFST ngày 02 tháng 10 năm 2019, Phụ lục số 01 Hợp đồng dịch vụ Tư vấn Hồ sơ làm việc định cư Canada ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa bà Trương Thị Mộng T1 và Công ty TNHH S1 (Tên cũ: Công ty TNHH S1) vô hiệu.

Buộc bị đơn Công ty TNHH S1 (Tên cũ: Công ty TNHH S1) có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị Mộng T1 số tiền 1.428.012.000 (Một tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu, không trăm mười hai ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh tính từ thời điểm thanh toán đến thời điểm xét xử sơ thẩm vì hợp đồng vô hiệu do lỗi của bị đơn, mức lãi suất áp dụng là 10%/năm.

3. Về án phí: Công ty TNHH S1 (Tên cũ: Công ty TNHH S1) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng và 54.840.360 (Năm mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng.

Bà Trương Thị Mộng T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Trương Thị Mộng T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu ký hiệu: BLTU/23P số: 0038893 ngày 24 tháng 6 năm 2024 và 27.420.180 (Hai mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi ngàn, một trăm tám mươi) đồng theo Biên lai thu ký hiệu: BLTU/23P số: 0038902 ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục T1 hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, TP. HCM
- Chi cục T1 hành án dân sự Quận 1, TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Đinh Kim Huệ

